QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Danh sách Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ trong HĐQT	Số lượng CP sở hữu (cổ phần)		Tổng số lượng sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
			Đại diện	Cá nhân		
1	Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch	350.000	0	350.000	14%
2	Lê Văn Thới	Thành viên	275.000	4.081	279.081	11,16%
3	Lê Văn Anh	Thành viên	250.000	2.381	252.381	10,095%
4	Nguyễn Quang Minh	Thành viên	250.000	2.236	252.236	10,089%
5	Đào Quý Tính	Thành viên		130.000	130.000	5,20%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT.

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	08/NQ.HĐQT-LKW	01/04/2016	✓ Thống nhất bảng báo cáo tình hình SXKD quý I/2016 và công tác đầu tư XDCB quý I năm 2016. ✓ Công tác chống thất thoát làm chủ yếu. Thay các tuyến ống nhựa PVC, ống sắt tráng kẽm. ✓ Mở rộng mạng lưới về Núi Đỏ, Bình Lộc, Bàu Trâm, Bàu Sen, Suối Chồn, Suối Tre. Mở mạng theo xã hội hóa, đầu tư xin cấp đất khoan giếng. ✓ Tăng công suất phân xưởng nước đóng chai, tiếp thị nước đóng chai ra công chúng. Tuyển 01 nhân viên tiếp thị sản phẩm chuyên nghiệp. ✓ Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. ✓ Thông qua điều lệ sửa đổi năm 2016. ✓ Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Minh Huy. ✓ Giới thiệu nhân sự mới để ĐHĐCĐ năm 2016 bầu bổ sung thành viên HĐQT và trưởng Ban kiểm soát.
02	38/NQ.HĐQT-LKW	31/12/2016	✓ Thống nhất bảng báo cáo tình hình SXKD năm 2016 và bảng kế hoạch SXKD năm 2017. ✓ Tập trung Công tác chống thất thoát, cải tạo phát triển mạng lưới giảm thất thoát. ✓ Triển khai cho khoán lại phân xưởng nước đóng chai. ✓ Áp dụng lương mới theo nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 từ ngày 01/01/2017. ✓ Sửa chữa giếng số 6. ✓ Xây dựng bể chứa tại Bầu Sen. ✓ Đồng ý đề bạt ông Huỳnh Trường An lên trưởng phòng kỹ thuật – kế hoạch, ông Nguyễn Văn Vĩnh làm quản đốc phân xưởng nước đóng chai và phân xưởng sản xuất nước sạch. ✓ Phòng kế hoạch lập dự toán, thẩm tra và tự thực hiện xây dựng 5 tuyến ống cấp nước:: • Tuyến ống cấp nước bên trái đường Hồ Thị Hương dài 810 mét loại ống HDPE D110 khoảng 553.000.000 đồng. • Tuyến ống cấp nước hai bên đường Nguyễn

			Trãi dài 3.282 mét loại ống HDPE D110 khoảng 2.263.000.000 đồng. • Tuyến ống cấp nước hai bên đường Nguyễn Chí Thanh dài 1.706 mét loại ống HDPE D110 khoảng 1.040.000.000 đồng. • Tuyến ống cấp nước đường 9 tháng 4 dài 1.120 mét loại ống HDPE D110 khoảng 686.580.000 đồng. • Tuyến ống cấp nước đường Huỳnh Văn Nghệ dài 574 mét loại ống HDPE D63 khoảng 175.607.000 đồng. ✓ Chi lương thưởng tết năm 2017: Chi lương bổ sung 1 tháng lương tết tây 01/01/2017. Chi 02 tháng lương bổ sung tết âm lịch. Chi phụ cấp trách nhiệm cho trưởng phó phòng. Cân đối lại quỹ lương còn lại chi mừng đầu năm. ✓ Hoàn thành thủ tục các giếng để đưa vào khai thác. ✓ Thu hồi công nợ công ty Giang Điền. ✓ Chuẩn bị hồ sơ và giấy phép của phòng tài nguyên môi trường về các tuyến ống cải tạo và mở mạng mới. ✓ Gắn đồng hồ điện nước cho phân xưởng nước đóng chai.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đại diện sở hữu (cổ phần)	Số lượng cổ phần cá nhân (cổ phần)	Tổng số lượng sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (cổ phần)
1	Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng BKS	125.000	0	125.000	5%
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	25.000	0	25.000	1%
2	Trần Văn Khoát	Thành viên BKS	98.000	0	98.000	3,92%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hàng năm, công việc của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh chủ yếu là tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Ban kiểm soát còn giám sát kiểm toán nội bộ, kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý, năm một cách thận trọng và chính xác, nhằm đảm bảo quyền lợi của đại đa số cổ đông.

Giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám Đốc

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Lương & phụ cấp	Thưởng	Cộng	Vay của Công ty
I	**Hội đồng quản trị**				
1	Nguyễn Văn Bính	72.000.000	32.000.000	104.000.000	
2	Lê Văn Thới	598.841.800	27.000.000	625.841.800	
3	Lê Văn Anh	490.301.000	24.000.000	514.301.000	8.000.000
4	Nguyễn Minh Huy	12.000.000	24.000.000	36.000.000	
5	Đào Quý Tính	52.000.000	24.000.000	76.000.000	
6	Nguyễn Quang Minh	494.799.900	16.000.000	510.799.900	
II	**Ban kiểm soát**				
1	Nguyễn Thị Thanh Tâm	44.000.000	24.000.000	68.000.000	
2	Trần Văn Khoát	40.000.000	16.000.000	56.000.000	
3	Nguyễn Thị Hồng Châu	114.185.000	-	114.185.000	
III	**Ban điều hành**				
1	Nguyễn Văn Hòa	480.340.000	16.000.000	496.340.000	59.876.500

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn/người có liên quan: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Bính	Chủ tịch	25/04/2013	
Ông Lê Văn Thới	Thành viên	25/04/2013	
Ông Lê Văn Anh	Thành viên	25/04/2013	
Ông Đào Quý Tính	Thành viên	25/04/2013	
Ông Nguyễn Minh Huy	Thành viên	25/04/2013	28/04/2016
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	28/04/2016	
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	Trưởng ban	28/04/2016	
Ông Trần Văn Khoát	Thành viên	25/04/2013	
Ông Thái Văn Sơn	Thành viên	25/04/2013	28/04/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	28/04/2016	
Ban Giám đốc			
Ông Lê Văn Thới	Giám đốc	01/05/2014	
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Giám đốc	01/05/2014	
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Giám đốc	01/05/2014	
Ông Lê Văn Anh	Kế toán trưởng	01/05/2014	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Văn Thới, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

LÊ VĂN THỚI - Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 11 tháng 01 năm 2017

Vietland Limited
Số : 0001/2017/BCTC-KTV

02 Huynh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-8) 3910 5401 - Fax : (84-8) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh, được lập ngày 09 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 37 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt

VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc	**LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**16.978.903.845**	**18.742.927.786**
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**10.367.453.532**	**7.379.783.079**
1 . Tiền	111		3.192.964.611	1.367.033.079
2 . Các khoản tương đương tiền	112		7.174.488.921	6.012.750.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.782.389.359**	**10.268.919.760**
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.291.349.043	8.118.663.907
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	177.283.062	1.650.280.542
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	341.210.254	527.428.311
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(27.453.000)	(27.453.000)
IV . Hàng tồn kho	**140**	**V.6**	**1.829.060.954**	**1.094.224.947**
Hàng tồn kho	141		1.829.060.954	1.094.224.947
V . Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**25.086.491.326**	**23.056.123.789**
I . Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II . Tài sản cố định	**220**		**24.635.850.910**	**21.100.331.916**
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24.557.017.581	21.010.498.583
Nguyên giá	*222*		*42.596.216.613*	*37.103.294.683*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(18.039.199.032)*	*(16.092.796.100)*
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.8	78.833.329	89.833.333
Nguyên giá	*228*		*110.000.000*	*110.000.000*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(31.166.671)*	*(20.166.667)*
III . Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.9**	**161.233.843**	**1.316.150.000**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		161.233.843	1.316.150.000
V . Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI . Tài sản dài hạn khác	**260**		**289.406.573**	**639.641.873**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	289.406.573	639.641.873
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**42.065.395.171**	**41.799.051.575**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC LONG KHÁNH

Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C . NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.112.149.247**	**6.499.132.515**
I . Nợ ngắn hạn	**310**		**4.112.149.247**	**6.499.132.515**
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	443.051.111	530.782.462
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	264.939.000	258.636.000
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	906.357.963	1.354.457.949
4 . Phải trả người lao động	314		2.028.081.687	1.757.857.091
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	-	2.324.171.818
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	140.908.504	365.391.565
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	-
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	328.810.982	(92.164.370)
II . Nợ dài hạn	**330**		-	-
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**37.953.245.924**	**35.299.919.060**
I . Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.18**	**37.865.952.078**	**35.236.898.656**
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*25.000.000.000*	*25.000.000.000*
Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		85.464.672	85.464.672
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		6.326.288.832	4.650.466.299
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.454.198.574	5.500.967.685
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*6.454.198.574*	*5.500.967.685*
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**87.293.846**	**63.020.404**
Nguồn kinh phí	431		87.293.846	63.020.404
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**42.065.395.171**	**41.799.051.575**

Tỉnh Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2017

LÊ VĂN THỚI	**LÊ VĂN ANH**	**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	33.353.645.299	36.569.706.306
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.330.157	-
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**33.350.315.142**	**36.569.706.306**
4 . Giá vốn hàng bán	11	VI.3	15.594.549.617	19.602.182.998
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**17.755.765.525**	**16.967.523.308**
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	316.732.277	212.634.998
7 . Chi phí tài chính	22	VI.5	3.611.844	11.666.667
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.611.844*	*11.666.667*
8 . Chi phí bán hàng	25	VI.6	3.167.641.379	2.492.944.091
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	6.800.008.956	7.300.137.308
10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**8.101.235.623**	**7.375.410.240**
11 . Thu nhập khác	31		3.016.811	-
12 . Chi phí khác	32		2.254.216	289.041.413
13 . Lợi nhuận khác	**40**	**VI.8**	**762.595**	**(289.041.413)**
14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**8.101.998.218**	**7.086.368.827**
15 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.647.799.644	1.585.401.142
16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**6.454.198.574**	**5.500.967.685**
18 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10a**	**2.194**	**1.870**
19 . Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.10b**	**2.194**	**1.870**

Tỉnh Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2017

LÊ VĂN THỚI	**LÊ VĂN ANH**	**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
I . Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 . Lợi nhuận trước thuế	***01***		***8.101.998.218***	***7.086.368.827***
2 . Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.957.402.936	1.631.276.944
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(316.732.277)	(188.926.074)
- Chi phí lãi vay	06		3.611.844	11.666.667
3 . Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***9.746.280.721***	***8.540.386.364***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.489.645.357	(4.145.770.670)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(734.836.007)	126.671.823
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.277.222.788)	3.697.158.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		350.235.300	161.786.613
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.611.844)	(11.666.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.757.560.124)	(1.110.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		24.273.442	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(825.145.152)	(551.644.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***10.012.058.905***	***6.706.920.749***
II . Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 . Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.338.005.773)	(3.590.958.189)
2 . Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		313.617.321	200.656.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(4.024.388.452)***	***(3.390.301.302)***
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 . Tiền thu từ đi vay	33		928.760.000	1.500.000.000
2 . Tiền trả nợ gốc vay	34		(928.760.000)	(1.500.000.000)
3 . Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(3.000.000.000)***	***(2.500.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**2.987.670.453**	**816.619.447**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.379.783.079**	**6.563.163.632**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**10.367.453.532**	**7.379.783.079**

Tỉnh Đồng Nai, ngày 09 tháng 01 năm 2017

LÊ VĂN THỚI	**LÊ VĂN ANH**	**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Xí nghiệp nước Long Khánh theo Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000501 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ nhất số 3600979223 ngày 23 tháng 3 năm 2011, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Lê Văn Thới thay thế cho Ông Nguyễn Xuân Yên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 5 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 6 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 71/2011/GCNCP-VSD ngày 07 tháng 11 năm 2011 với số lượng cổ phiếu là 2.500.000 cổ phiếu tương ứng 25.000.000.000 VND với mã chứng khoán là LKW.

- **Vốn điều lệ** : 25.000.000.000 VND

  Số cổ phiếu : 2.500.000 cổ phiếu

  Mệnh giá : 25.000.000.000 VND/ cổ phiếu

  Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công đoàn		25.000	250.000.000	1,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Nguyễn Văn Hoà	*02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai*	*25.000*	*250.000.000*	*1,00*
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai		1.275.000	12.750.000.000	51,00
	Đại diện bởi:				
	- Ông Nguyễn Văn Bình	*48 đường CMT8, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai*	*350.000*	*3.500.000.000*	*14,00*
	- Ông Lê Văn Thới	*02 Bis CMT8, P. Xuân Bình,*	*275.000*	*2.750.000.000*	*11,00*

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
		TX. Long Khánh, Đồng Nai			
	- Ông Lê Văn Anh	*02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai*	*250.000*	*2.500.000.000*	*10,00*
	- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	*48 đường CMT8, P.Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai*	*25.000*	*250.000.000*	*1,00*
	- Ông Nguyễn Quang Minh	*02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai*	*250.000*	*2.500.000.000*	*10,00*
	- Bà Nguyễn Thị Hồng Châu	*02 Bis CMT8, P. Xuân Bình, TX. Long Khánh, Đồng Nai*	*125.000*	*1.250.000.000*	*5,00*
3	Vốn người lao động, cá nhân		925.900	9.259.000.000	37,04
4	Nhà đầu tư chiến lược		245.000	2.450.000.000	9,80
5	Cổ đông người nước ngoài khác		29.100	291.000.000	1,16
	Cộng		**2.500.000**	**25.000.000.000**	**100,00**

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (084 – 061) 3 877 241

Fax : (084 – 061) 3 783 879

Mã số thuế : **3 6 0 0 9 7 9 2 2 3**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát thi công công trình cấp thoát nước. Tư vấn đấu thầu; Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc (Không sản xuất tại trụ sở); Lắp đặt hệ thống, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi; Thoát nước và xử lý nước thải: Xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở; chỉ hoạt động khi đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật); Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm

quyền chấp thuận về địa điểm); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc thiết bị ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 64 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 09 (chín) của Công ty dưới hình thức cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có

những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;các khoản thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên; các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	08 - 15

	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị văn phòng	08
Tài sản khác	10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Giá trị phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau: Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.